TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 5 – AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án: 30/2025/HNGĐ-ST
Ngày 14 - 7 - 2025
V/v "*Tranh chấp hôn nhân và gia đình - Ly hôn, nuôi con chung* "

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên Tòa: Bà Nguyễn Thị Chuyên
Các Hội thẩm nhân dân:
1.Ông Lê Văn Chi
2.Ông Lê Phú Quốc
- ***Thư ký phiên Tòa***: Bà Huỳnh Thị Phượng là thư ký Tòa án nhân dân khu vực 5 - An Giang.
- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - An Giang*** *tham gia phiên Tòa:* Không tham gia phiên tòa

Ngày 14 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5 - An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 85/2025/TLST - HNGĐ, ngày 13 tháng 02 năm 2025 về tranh chấp Hôn nhân và gia đình "*Ly hôn, nuôi con chung"* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 137/2025/QĐXX - ST, ngày 09 tháng 6 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Phạm Thị Trường A, sinh năm: 1998; địa chỉ: ấp T, xã T, huyện G, tỉnh Kiên Giang - Nay là ấp T, xã T, tỉnh An Giang (vắng mặt).

2. Bị đơn: Anh Trần Hoài N, sinh năm: 1993; địa chỉ: địa chỉ: ấp T, xã T, huyện G, tỉnh Kiên Giang - Nay là ấp T, xã T, tỉnh An Giang (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 19/12/2024 nguyên đơn chị Phạm Thị Trường A trình bày:

Chị và anh N trước khi lấy nhau có tìm hiểu trước và được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới vào năm 2014, có đăng kí kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện G, tỉnh Kiên Giang vào ngày 24/4/2018. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được 01 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng thường xuyên cãi nhau về tiền bạc, anh N hay rượu chè, cờ bạc nợ nần nhiều người, không chịu làm ăn,

không quan tâm chăm sóc vợ con, chị đã cho anh N rất nhiều cơ hội để sửa chữa nhưng không thay đổi. Giữa chị và anh N không còn chung sống với nhau từ tháng 5/2022 cho đến nay. Chị thấy cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, hôn nhân không thể tiếp tục duy trì nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh N; Về con chung: Có 02 người chung tên Trần Trí V - sinh ngày 26/3/2025, Trần Trí V1 - sinh ngày 15/11/2018, hiện con đang ở với chị, chị yêu cầu được tiếp tục nuôi con, không yêu cầu anh N cấp dưỡng; Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Trần Hoài N đã được Tòa án triệu tập lấy lời khai, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như tham gia tố tụng tại phiên tòa nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không có lý do và không có văn bản trình bày ý kiến phản hồi đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

{1.1} Về thẩm quyền: Chị Phạm Thị Trường A yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình "*Ly hôn, nuôi con chung*" giữa chị và anh N. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện nên Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng thụ lý giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm là đúng trình tự, thủ tục tố tụng.

{1.2} Về sự có mặt của đương sự: Chị A có ý kiến bằng văn bản gửi cho Tòa án và xin vắng mặt tại phiên tòa. Anh N đã nhận được các thủ tục tố tụng Tòa án tống đạt nhưng anh không có ý kiến bằng văn bản gửi cho Tòa án và cũng không tham gia phiên công khai chứng cứ, phiên hòa giải, vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Xét thấy việc vắng mặt của chị A, anh N không làm ảnh hưởng đến quá trình giải quyết vụ án nên Tòa án căn cứ vào điểm a, b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với chị A, anh N.

[2]. Về nội dung:

{2.1} Về hôn nhân: Chị Phạm Thị Trường A và anh Trần Hoài N trước khi lấy nhau có tìm hiểu trước và được hai bên gia đình đồng ý tổ chức lễ cưới vào năm 2014, anh chị có đăng kí kết hôn vào ngày 24/4/2018 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện G, tỉnh Kiên Giang nên quan hệ hôn nhân của anh - chị là hợp pháp. Tuy nhiên, quá trình chung sống anh - chị đã phát sinh nhiều mâu thuẫn không tự hòa giải được dẫn đến cãi vã, vợ chồng chung sống đến tháng 5/2022 thì không còn chung sống với nhau nữa. Xét thấy hôn nhân của anh chị phải được xây dựng trên cơ sở lâu dài bền vững, vợ chồng quan tâm chăm sóc lẫn nhau và cùng nhau xây

dựng hạnh phúc gia đình, Tòa án đã tống đạt thông báo cho anh N nhưng anh N cũng không thể hiện ý kiến của mình về việc chị A yêu cầu ly hôn. Hội đồng xét xử thấy rằng mâu thuẫn giữa anh chị đã ở tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Xử chấp nhận cho chị Phạm Thị Trường A được ly hôn với anh Trần Hoài N.

{2.2} Về con chung: Anh, chị có 02 người con chung tên Trần Trí V - sinh ngày 26/3/2025, Trần Trí V1 - sinh ngày 15/11/2018, hiện các cháu ở với chị A, chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng hai cháu, chị không yêu cấp dưỡng nuôi con. Tòa án đã tống đạt thông báo thụ lý cho anh N nhưng anh N không thể hiện ý kiến bằng văn bản gửi cho Tòa án về việc chị A yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng hai cháu. Hội đồng xét xử thấy rằng từ khi chị A và anh N sống ly thân cho đến nay, các cháu sống với chị A, chị vẫn chăm sóc cho các cháu phát triển tốt về mặt thể chất lẫn tinh thần. Mặt khác, tại bản tự khai các cháu đều có nguyện vọng được ở với mẹ khi cha mẹ ly hôn. Cho nên, Hội đồng xét xử thống nhất áp dụng khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình; Xử giao cháu V, cháu V1 cho chị A trực tiếp nuôi dưỡng.

Anh N có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của người đang trực tiếp nuôi con. Vì lợi ích của con khi có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con, xem xét yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, hoặc hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên.

{2.4} Về cấp dưỡng nuôi con: Việc cấp dưỡng nuôi con là nghĩa vụ của người không trực tiếp nuôi con theo quy định tại Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình. Chị A là người đang trực tiếp nuôi con nhưng không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết

[4] Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án:

Án phí ly hôn sơ thẩm chị Phạm Thị Trường A phải nộp là 300.000 đồng; nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị A đã nộp theo biên lai thu tiền số 0009223 ngày 13/2/2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng. Chị A đã nộp đủ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147,điểm a,b khoản 1 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận cho chị Phạm Thị Trường A được ly hôn với anh Trần Hoài N.

2. Về con chung: Giao cháu Trần Trí V - sinh ngày 26/3/2025, Trần Trí V1 - sinh ngày 15/11/2018 cho chị Phạm Thị Trường A trực tiếp nuôi dưỡng đến khi trưởng thành. Chị A không yêu cầu cấp dưỡng nên anh N không phải cấp dưỡng nuôi dưỡng.

Anh N có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con mà không ai được cản trở, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của người đang trực tiếp nuôi con. Vì lợi ích của con khi có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con, xem xét yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, hoặc hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên.

3. Về tài sản chung; nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết

4. Về án phí: Án phí ly hôn sơ thẩm chị Phạm Thị Trường A phải nộp là 300.000 đồng; nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị A đã nộp theo biên lai thu tiền số 0009223 ngày 13/2/2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng (Nay là phòng thi hành án dân sự khu vực 5 – An Giang). Chị A đã nộp đủ.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt bản án hoặc niêm yết của Tòa án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký tên và đóng dấu)

Nguyễn Thị Chuyên

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND khu vực, tỉnh
- Phòng thi hành án khu vực
- Đương sự
- UBND xã
- Lưu HS,VP.